

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

---

**Tháng 03 năm 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 33

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Hoàng Anh Lộc	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo bao gồm**

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Hà Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Số: 113 /VACO/BCKIT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



M.S.D.N: 0102540856 - C.T. TNHH  
CÔNG TY  
TNHH  
KIỂM TOÁN  
VACO  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021



**Ngô Tiến Thành**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2021-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.957.386.565.330</b>	<b>2.024.262.586.492</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>294.570.106.822</b>	<b>348.817.212.130</b>
1. Tiền	111		114.570.106.822	83.517.212.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000.000	265.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.087.787.512.269</b>	<b>1.378.606.784.368</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.065.876.516.017	1.369.608.317.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	13.917.384.577	7.072.705.063
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.993.611.675	1.925.761.900
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>521.539.478.676</b>	<b>274.385.499.932</b>
1. Hàng tồn kho	141		522.470.700.321	275.626.665.339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(931.221.645)	(1.241.165.407)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.489.467.563</b>	<b>2.453.090.062</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	8.536.288.720	2.349.409.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.430.239.216	103.680.519
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	17	522.939.627	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.360.037.625</b>	<b>172.515.951.343</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>352.964.099</b>	<b>323.951.299</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	352.964.099	323.951.299
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>139.082.019.918</b>	<b>114.380.534.964</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	57.442.788.244	40.315.686.940
- Nguyên giá	222		200.063.491.798	177.791.618.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.620.703.554)	(137.475.931.333)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	81.639.231.674	74.064.848.024
- Nguyên giá	228		88.783.151.938	81.024.027.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.143.920.264)	(6.959.179.200)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.729.267.566</b>	<b>15.851.119.734</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.729.267.566	15.851.119.734
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>40.799.282.000</b>	<b>40.203.656.000</b>
1. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253		41.191.000.000	41.191.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(391.718.000)	(987.344.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.396.504.042</b>	<b>1.756.689.346</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.396.504.042	1.756.689.346
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.160.746.602.955</b>	<b>2.196.778.537.835</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.462.750.633.544</b>	<b>1.510.049.461.556</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.455.315.470.652</b>	<b>1.501.619.726.983</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	567.579.967.539	468.380.205.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	58.970.099.653	34.990.426.515
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.391.326.398	37.367.235.204
4. Phải trả người lao động	314		32.123.768.012	41.817.855.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	52.917.817.782	36.885.951.223
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		116.767.051	540.465.956
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	14.717.367.727	7.585.601.810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	691.233.763.905	829.797.961.309
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	13.037.500.878	30.129.822.158
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.227.091.707	14.124.201.873
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.435.162.892</b>	<b>8.429.734.573</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.147.800.665	1.233.310.665
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	6.287.362.227	2.196.423.908
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	5.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>697.995.969.411</b>	<b>686.729.076.279</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>697.995.969.411</b>	<b>686.729.076.279</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		276.718.072.447	265.451.179.315
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		208.695.157.660	175.686.280.714
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		68.022.914.787	89.764.898.601
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.160.746.602.955</b>	<b>2.196.778.537.835</b>



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.582.947.801.318	2.261.186.738.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	917.490.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.582.947.801.318	2.260.269.248.269
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	1.431.084.099.723	2.041.958.907.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		151.863.701.595	218.310.341.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	28.164.855.011	28.215.107.276
7. Chi phí tài chính - Bao gồm: Chi phí lãi vay	22 23	28	46.273.221.791 34.736.290.464	41.489.689.249 31.866.208.572
8. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết liên doanh	24		-	(2.294.319.877)
9. Chi phí bán hàng	25	29	15.311.382.001	45.842.733.079
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	37.385.022.513	52.292.811.093
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		81.058.930.301	104.605.895.056
12. Thu nhập khác	31	31	5.155.984.942	6.535.436.267
13. Chi phí khác	32		4.376.370.429	1.852.065.750
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		779.614.513	4.683.370.517
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81.838.544.814	109.289.265.573
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	13.815.630.027	19.524.366.972
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		68.022.914.787	89.764.898.601
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.113,50	2.525,60



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	81.838.544.814	109.289.265.573
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại	02	8.101.035.536	10.009.817.761
- Các khoản dự phòng	03	(905.569.762)	88.975.677
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	134.730.486	5.097.333
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.482.291.750)	(23.417.953.528)
- Chi phí lãi vay	06	34.736.290.464	31.866.208.572
- Các khoản điều chỉnh khác (hoàn nhập "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ")	07	(5.000.000.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	99.422.739.788	127.841.411.388
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	265.544.559.044	(254.222.070.890)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(246.844.034.982)	240.618.789.648
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	98.907.792.591	2.164.186.510
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(10.826.693.873)	174.090.179
- Tiền lãi vay đã trả	14	(33.901.886.977)	(31.783.094.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.132.879.143)	(11.214.717.521)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.375.631.821)	(6.650.679.442)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	141.793.964.627	66.927.915.088
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.123.297.856)	(18.089.255.656)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	145.999.999	434.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.700.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.715.203.481	25.096.057.887
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(9.262.094.376)	(15.258.652.315)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.256.449.073.532	1.240.322.362.361
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.395.013.270.936)	(1.117.347.603.551)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.214.778.155)	(31.898.304.760)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(186.778.975.559)	91.076.454.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	(54.247.105.308)	142.745.716.823
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	348.817.212.130	206.071.495.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70	294.570.106.822	348.817.212.130



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100683374 cấp lần đầu vào ngày 12/12/2001 và sửa đổi lần 17 vào ngày 18/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 321.850.000.000 VND.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: ICT.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **Tổng số lao động trong Công ty**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 457 người (tại ngày 31/12/2019 là 485 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình, đầu tư sản xuất thiết bị viễn thông, internet, sản xuất trong lĩnh vực viễn thông;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo công nghệ viễn thông, đào tạo công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), các thiết bị trong ngành truyền hình, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hạ tầng viễn thông, các hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), Xây lắp công trình viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng internet và viễn thông, dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng mạng viễn thông, thiết kế thiết bị bảo vệ (không bao gồm thiết kế công trình), thiết kế mạng công trình thông tin, bưu chính viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu: sản xuất thiết bị bảo vệ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị bảo vệ;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: Đầu tư sản xuất máy tính, sản xuất trong lĩnh vực tin học;
- Lắp trình máy vi tính: Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

#### **Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)**

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính: Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Dịch vụ thanh toán.

#### **Hoạt động chính**

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện: Là Công ty con của Công ty.  
Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (Chi nhánh Hồ Chí Minh): Hạch toán độc lập.  
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại Đà Nẵng: Hạch toán độc lập.

### **2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

##### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định của Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

##### **Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với những tài sản Công ty nhận do góp vốn thì Công ty thực hiện trích khấu hao dựa trên giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là lâu dài nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ kết chuyển công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa không quá ba năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả tại ngày 31/12/2020 là các chi phí trích trước chi phí cho các dự án của Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Các khoản dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án thi công của Công ty.

**Nguồn vốn**

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập theo quy định của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản dựa trên phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: Giá trị vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tương đương 31,43% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt: Có cùng lãnh đạo chủ chốt.
- Công ty Cổ phần ITTA: Có cùng lãnh đạo chủ chốt.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội: Có cùng lãnh đạo chủ chốt.
- Công ty Cổ phần Viễn thông Vinasat Việt Nam: Có cùng lãnh đạo chủ chốt.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty: Lãnh đạo chủ chốt.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	252.025.639	684.677.479
Tiền gửi ngân hàng	114.318.081.183	82.832.534.651
Các khoản tương đương tiền (i)	180.000.000.000	265.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>294.570.106.822</b>	<b>348.817.212.130</b>

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	474.932.483.644	666.964.289.543
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	186.586.789.518	269.665.682.208
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	249.528.966.215	206.114.074.500
Tổng Công ty Truyền thông	24.530.631.536	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và mua sắm tập trung - Bộ Tài chính	20.705.894.000	21.798.342.000
Các đối tượng khác	109.591.751.104	205.065.929.154
<b>Cộng</b>	<b>1.065.876.516.017</b>	<b>1.369.608.317.405</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>556.216.370.385</b>	<b>769.950.224.087</b>
<b>(Chi tiết tại thuyết minh số 34)</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp An toàn Unitek	3.203.205.627	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tầm nhìn	2.104.551.000	2.104.551.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Dзі An	2.807.200.000	-
ATNIB LIMITED	2.311.540.920	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.621.152.265	-
Các đối tượng khác	1.869.734.765	4.968.154.063
<b>Cộng</b>	<b>13.917.384.577</b>	<b>7.072.705.063</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.993.611.675</b>	<b>-</b>	<b>1.925.761.900</b>	<b>-</b>
Lãi dự thu	342.301.370	-	452.112.328	-
Tạm ứng	3.301.294.496	-	1.327.230.639	-
Ký cược, ký quỹ	388.747.790	-	89.210.427	-
Các khoản phải thu khác	3.961.268.019	-	57.208.506	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>352.964.099</b>	<b>-</b>	<b>323.951.299</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	352.964.099	-	323.951.299	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	1.179.986.440	-
Nguyên liệu, vật liệu	630.955.773	-	361.212.186	-
Công cụ, dụng cụ	50.460.537	-	8.100.865	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	500.649.383.862	-	211.200.990.800	-
Thành phẩm	165.625.936	-	253.866.918	-
Hàng hóa (i)	20.974.274.213	(931.221.645)	62.622.508.130	(1.241.165.407)
<b>Cộng</b>	<b>522.470.700.321</b>	<b>(931.221.645)</b>	<b>275.626.665.339</b>	<b>(1.241.165.407)</b>

Ghi chú:

- (i) Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng với các hàng hóa đã bán ra trong năm là 309.943.762 VND.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.536.288.720</b>	<b>2.349.409.543</b>
Chi phí chờ kết chuyển	8.536.288.720	2.349.409.543
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.396.504.042</b>	<b>1.756.689.346</b>
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	6.396.504.042	1.756.689.346

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	44.039.435.893	44.755.805.949	10.499.741.803	13.322.593.113	65.174.041.515	177.791.618.273
Tăng trong năm	-	330.360.000	-	-	976.685.742	1.307.045.742
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	23.214.388.516	-	521.961.518	-	23.736.350.034
Thanh lý nhượng bán	-	(2.205.695.914)	(476.284.000)	(89.542.337)	-	(2.771.522.251)
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.039.435.893</b>	<b>66.094.858.551</b>	<b>10.023.457.803</b>	<b>13.755.012.294</b>	<b>66.150.727.257</b>	<b>200.063.491.798</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>						
Số đầu năm	14.927.542.789	43.366.526.881	5.191.064.163	10.057.576.406	63.933.221.094	137.475.931.333
Khấu hao trong năm	2.390.286.132	2.070.923.405	1.272.500.944	1.283.075.302	899.508.689	7.916.294.472
Thanh lý nhượng bán	-	(2.205.695.914)	(476.284.000)	(89.542.337)	-	(2.771.522.251)
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.317.828.921</b>	<b>43.231.754.372</b>	<b>5.987.281.107</b>	<b>11.251.109.371</b>	<b>64.832.729.783</b>	<b>142.620.703.554</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số cuối năm	26.721.606.972	22.863.104.179	4.036.176.696	2.503.902.923	1.317.997.474	57.442.788.244
Số đầu năm	29.111.893.104	1.389.279.068	5.308.677.640	3.265.016.707	1.240.820.421	40.315.686.940

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 117.834.939.026 VND (tại ngày 31/12/2019 là 109.362.169.540 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuế tài chính, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của tài sản gắn liền đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã dùng để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số KHCTIN170072/CV.VCB ký ngày 10/08/2017 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở là 1.277.071.018 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	6.959.179.200	74.064.848.024	81.024.027.224
Mua trong năm	7.759.124.714	-	7.759.124.714
<b>Số cuối năm</b>	<u>14.718.303.914</u>	<u>74.064.848.024</u>	<u>88.783.151.938</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	6.959.179.200	-	6.959.179.200
Khấu hao trong năm	184.741.064	-	184.741.064
<b>Số cuối năm</b>	<u>7.143.920.264</u>	<u>-</u>	<u>7.143.920.264</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số cuối năm	<u>7.574.383.650</u>	<u>74.064.848.024</u>	<u>81.639.231.674</u>
Số đầu năm	<u>-</u>	<u>74.064.848.024</u>	<u>74.064.848.024</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 6.959.179.200 VND (tại ngày 31/12/2019 là 6.959.179.200 VND).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<u>16.729.267.566</u>	<u>16.729.267.566</u>	<u>15.851.119.734</u>	<u>15.851.119.734</u>
<u>Trong đó:</u>				
Cao ốc văn phòng tại TP Hồ Chí Minh - Chi phí hoàn thiện trụ sở	33.972.052	33.972.052	33.972.052	33.972.052
Xây dựng tài sản cố định của hoạt động Inbuilding (i)	92.586.728	92.586.728	92.586.728	92.586.728
Dự án MobileID cho Vinaphone (i)	8.315.334.449	8.315.334.449	8.315.334.449	8.315.334.449
Lắp đặt hệ thống camera tại Quận Tân Phú, TP HCM (i)	6.308.951.672	6.308.951.672	6.159.813.490	6.159.813.490
Dự án xây dựng lắp đặt khác (i)	1.978.422.665	1.978.422.665	1.249.413.015	1.249.413.015

Ghi chú:

- (i) Các dự án đang triển khai được Công ty đầu tư hình thành tài sản cố định nhằm mục đích cho thuê lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt (ii)	20.000.000.000	-	(i)	20.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông HN (iii)	12.000.000.000	-	(i)	12.000.000.000
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam (iv)	5.366.000.000	(391.718.000)	5.054.772.000	5.366.000.000
Công ty CP ITTA	3.200.000.000	-	(i)	3.200.000.000
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	(i)	625.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.191.000.000</b>	<b>(391.718.000)</b>	<b>-</b>	<b>41.191.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi số.
- (ii) Trong năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt có lãi, có lãi lũy kế. Trong năm 2020, Công ty có bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt với tổng doanh thu khoảng 351 triệu đồng, mua hàng hóa và dịch vụ từ Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt khoảng 81,5 tỷ đồng.
- (iii) Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội có lãi và có lãi lũy kế.
- (iv) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào cổ phiếu theo quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Tp. Hà Nội	19%	19%	Thương mại
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Tp. Hà Nội	15%	15%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam	Tp. Hà Nội	2,2%	2,2%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ITTA	Tp. Hà Nội	16,0%	16,0%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ĐTPT Công nghệ và Truyền thông	Tp. Hà Nội	2,5%	2,5%	Dịch vụ viễn thông

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	141.551.488.181	141.551.488.181	2.137.222.316	2.137.222.316
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	123.346.464.900	123.346.464.900	25.988.061.883	25.988.061.883
Công ty Cổ phần Công nghệ Kỹ thuật số - HITD	91.859.420.400	91.859.420.400	-	-
Công ty TNHH ACE Antenna	54.200.730.031	54.200.730.031	-	-
Ericsson AB	34.524.291.717	34.524.291.717	15.002.127.506	15.002.127.506
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	23.544.120.600	23.544.120.600	-	-
STAR EXCELLENCE	10.297.991.993	10.297.991.993	326.077.012.775	326.077.012.775
NUTEK TELECOM	5.896.223.006	5.896.223.006	12.176.144.345	12.176.144.345
Các đối tượng khác	82.359.236.711	82.359.236.711	86.999.636.846	86.999.636.846
<b>Cộng</b>	<b>567.579.967.539</b>	<b>567.579.967.539</b>	<b>468.380.205.671</b>	<b>468.380.205.671</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 34)</b>	<b>125.550.967.241</b>	<b>125.550.967.241</b>	<b>28.397.451.836</b>	<b>28.397.451.836</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Công nghệ thông tin VNPT	36.698.870.200	-
Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	5.712.420.500	-
Cục Bưu điện Trung ương	5.339.760.360	-
Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực quận Tân Phú	4.221.865.000	4.221.865.000
Tổng cục thuế	-	21.975.250.000
Các đối tượng khác	6.997.183.593	8.793.311.515
<b>Cộng</b>	<b>58.970.099.653</b>	<b>34.990.426.515</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	19.870.149.380	37.173.410.973	56.339.410.294	704.150.059
Thuế xuất, nhập khẩu	-	262.351.191	262.351.191	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.265.570.887	13.815.630.027	26.132.879.143	4.948.321.771
Thuế thu nhập cá nhân	33.086.789	4.267.933.537	4.297.720.326	3.300.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	162.761.872	162.761.872	-
Các loại thuế khác	198.428.148	10.282.776.068	9.745.649.648	735.554.568
<b>Cộng</b>	<b>37.367.235.204</b>	<b>65.964.863.668</b>	<b>96.940.772.474</b>	<b>6.391.326.398</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	522.939.627	522.939.627
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>522.939.627</b>	<b>522.939.627</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí thuế ngoài phục vụ dự án	51.538.282.020	36.475.209.321
Trích trước chi phí lãi vay	1.242.216.562	138.712.302
Chi phí trích trước khác	137.319.200	272.029.600
<b>Cộng</b>	<b>52.917.817.782</b>	<b>36.885.951.223</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>14.717.367.727</b>	<b>7.585.601.810</b>
- Kinh phí công đoàn	2.487.173.920	1.686.111.051
- Bảo hiểm xã hội	-	817.184
- Bảo hiểm y tế	-	3.515.050
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả tiền thuế TNCN	2.305.519.598	668.462.050
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.447.939.589	1.385.217.744
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.058.978.496	1.259.240.407
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.417.756.124	2.532.238.324
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.147.800.665</b>	<b>1.233.310.665</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.147.800.665	1.233.310.665

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>691.233.763.905</b>	<b>691.233.763.905</b>	<b>1.248.827.887.532</b>	<b>1.387.392.084.936</b>	<b>829.797.961.309</b>	<b>829.797.961.309</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (i)	415.401.228.634	415.401.228.634	848.439.247.823	823.498.901.988	390.460.882.799	390.460.882.799
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở (ii)	233.525.780.494	233.525.780.494	318.059.130.821	335.554.676.303	251.021.325.976	251.021.325.976
Ngân hàng TMCP Quân Đội (iii)	-	-	11.016.357.660	181.725.174.074	170.708.816.414	170.708.816.414
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (iv)	16.453.219.021	16.453.219.021	38.930.255.734	40.083.972.833	17.606.936.120	17.606.936.120
Ngân hàng TMCP Quốc tế (v)	25.853.535.756	25.853.535.756	32.382.895.494	6.529.359.738	-	-

**Ghi chú:**

(i) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT142-CTIN ký ngày 26/08/2019, hạn mức 1.000.000.000.000 VND, thời hạn hạn mức: Đến hết ngày 26/08/2020. Mục đích thanh toán các chi phí lưu động phục vụ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ kỹ thuật cho ngành công nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất điều chỉnh mỗi tháng 1 lần, lãi suất đầu tiên là 4,5%/năm, tài sản đảm bảo là tín chấp.

Hợp đồng cho vay từng lần 02/2019/HĐCVTL/HNCT142-CTIN ký ngày 16/10/2019, hạn mức 410.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng: thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện Hợp đồng số 235-2019/VNPT NET-CTIN/RADIO ngày 18/09/2019 thuộc gói thầu "Thiết kế kỹ thuật và cung cấp thiết bị hệ thống vô tuyến" của Dự án "Mở rộng mạng vô tuyến tại các tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone năm 2019" ký kết giữa CTIN và Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT Net). Thời hạn giải ngân: Tối đa 15 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay điều chỉnh 1 tháng 1 lần.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số KH2-180149/HĐCTD/CTIN ký ngày 28/08/2018 với hạn mức cho vay là 400.000.000.000 VND duy trì đến ngày 28/08/2019, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 12 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất thả nổi, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hợp đồng trên được sửa đổi, bổ sung ngày 28/08/2019. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng ngắn hạn kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 27/12/2019. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng trung dài hạn là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân (MB) đội theo Hợp đồng cho vay số 44104.19.057.28866.TD ngày 21/10/2019, Phương thức cho vay: từng lần ngắn hạn. Số tiền vay là 200.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hàng cho Star Excellence Ltd theo Hợp đồng số 29.2019.CTIN.STAR.VIETTEL\_ME ngày 14/05/2019 và Hợp đồng số 39.2019.CTIN.STAR.VIETTEL\_MEexpansion ngày 16/09/2019 và thanh toán các chi phí liên quan khác để thực hiện hợp đồng đầu ra với Viettel. Thời hạn cho vay: Tối đa 12 tháng. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của MB, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của MB; tài sản được hình thành từ vốn vay của tổ chức tín dụng khác hoặc hình thành từ nguồn tiền bên khác được MB cho khách hàng vay trả nợ trước hạn, cho vay bù đắp theo quy định pháp luật; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, hình thành từ tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/204/HETDHN-CTIN ngày 27/06/2018 được thay thế bằng hợp đồng 1909/2019/HETDHM-CTIN lập ngày 19/09/2019. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 800.000.000.000 VND (dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm là 300.000.000.000 VND). Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng: Hết 31/08/2020. Tài sản đảm bảo là toàn bộ số tiền gửi tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng, tài sản hình thành từ vốn vay, các khoản phải thu, tài sản cố định thuộc và sẽ thuộc quyền sở hữu của Công ty, các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo khác.
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế theo Hợp đồng tín dụng số 1258974.19 ngày 12/12/2019. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 60.000.000.000 VND, Cam kết bảo lãnh 100.000.000.000 VND. Mỗi cam kết bảo lãnh có hiệu lực tối đa 12 tháng đối với bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh thuế. Thời hạn 48 tháng đối với bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh bảo hành. Thời hạn của khoản tín dụng là 12 tháng kể từ ngày kí Hợp đồng. Vay không có tài sản đảm bảo.

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn là bảo hành phải trả cho thiết bị và các dự án Công ty thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>2.512.000.000</b>	<b>96.915.896.964</b>	<b>216.864.308.155</b>	<b>638.142.205.119</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.764.898.601	89.764.898.601
Điều chỉnh giảm khác	-	-	-	(350.233.172)	(350.233.172)
Trả cổ tức	-	-	-	(32.185.000.000)	(32.185.000.000)
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	-	-	-	(8.480.772.269)	(8.480.772.269)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(162.022.000)	(162.022.000)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>2.512.000.000</b>	<b>96.915.896.964</b>	<b>265.451.179.315</b>	<b>686.729.076.279</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	68.022.914.787	68.022.914.787
Truy thu thuế 2018,2019	-	-	-	(49.641.643)	(49.641.643)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(48.277.500.000)	(48.277.500.000)
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (i)	-	-	-	(8.530.579.502)	(8.530.579.502)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	101.699.490	101.699.490
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>2.512.000.000</b>	<b>96.915.896.964</b>	<b>276.718.072.447</b>	<b>697.995.969.411</b>

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019:

- Chi trả cổ tức năm 2019 (15% vốn điều lệ tương ứng 1.500 VND/CP) tương đương: 48.277.500.000 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng Phúc lợi: 8.530.579.502 VND.
- Điều chỉnh giảm thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019 đã trích (theo tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận sau thuế): 101.699.490 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Tình hình góp vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cổ đông tổ chức	104.822.960.000	104.822.960.000
Cổ đông cá nhân	217.027.040.000	217.027.040.000
<b>Cộng</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>321.850.000.000</b>

*Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**Cổ tức**

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 48.214.778.155 VND.

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	48.503,67	1.366,74
+ EUR	245,95	259,60

**24. TỔNG DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.427.429.862.128	2.060.264.403.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	155.517.939.190	200.922.335.428
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.582.947.801.318</b>	<b>2.261.186.738.758</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 34)	666.483.435.151	1.184.105.945.283

**25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	917.490.489
<u>Trong đó:</u>		
- Chiết khấu thương mại	-	763.083.387
- Giảm giá hàng bán	-	154.407.102

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.316.056.564.888	1.877.774.066.371
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	115.337.478.597	164.210.929.181
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(309.943.762)	(26.088.361)
<b>Cộng</b>	<b>1.431.084.099.723</b>	<b>2.041.958.907.191</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.281.091.751	8.985.827.951
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.828.563.260	2.937.379.325
Cổ tức nhận được chia	14.055.200.000	16.291.900.000
<b>Cộng</b>	<b>28.164.855.011</b>	<b>28.215.107.276</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	34.736.290.464	31.866.208.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.127.027.149	1.006.704.515
Phí chuyển tiền, phí LC ngân hàng, phí bảo lãnh	9.005.530.178	7.703.388.100
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(595.626.000)	913.388.062
<b>Cộng</b>	<b>46.273.221.791</b>	<b>41.489.689.249</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	25.906.052.792	32.780.896.205
Chi phí vật liệu quản lý	53.058.374	24.649.747
Chi phí đồ dùng văn phòng	414.846.647	551.592.917
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.127.253.639	2.143.502.115
Thuế, phí và lệ phí	159.413.523	252.025.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.234.979.737	3.568.637.128
Chi phí bằng tiền khác	10.489.417.801	12.971.507.312
<b>Cộng</b>	<b>37.385.022.513</b>	<b>52.292.811.093</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí bảo hành	-8.593.540.867	18.206.888.269
Chi phí nhân viên	15.003.866.171	9.231.928.242
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	124.408.666	167.924.242
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.063.840	171.598.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.435.592.670	655.954.557
Chi phí bằng tiền khác	6.272.991.521	17.408.439.073
<b>Cộng</b>	<b>15.311.382.001</b>	<b>45.842.733.079</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.001.454.671	7.743.775.840
Chi phí nhân công	97.764.915.718	104.149.449.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.101.035.536	10.009.817.761
Trích Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ	(5.000.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	(8.593.540.867)	(26.088.361)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.908.056.601	329.786.403.164
Chi phí khác bằng tiền	29.300.354.514	39.977.247.177
<b>Cộng</b>	<b>457.482.276.173</b>	<b>491.640.605.261</b>

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thưởng doanh số	2.977.255.148	5.264.100.494
Thu nhập từ thanh lý tài sản	145.999.999	434.545.454
Thu nhập khác	2.032.729.795	836.790.319
<b>Cộng</b>	<b>5.155.984.942</b>	<b>6.535.436.267</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.815.630.027	19.524.366.972

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	68.022.914.787	89.764.898.601
Các khoản điều chỉnh (i)	-	8.478.521.655
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	68.022.914.787	81.286.376.946
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	32.185.000	32.185.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.113,50	2.525,60
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**Ghi chú:**

- (i) Công ty chưa dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do trong năm 2020 Công ty điều chỉnh "Lợi nhuận kế toán sau thuế" năm 2019 cho các khoản:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi giá trị 8.530.579.502 VND;
- Giám thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát 101.699.490 VND;
- Điều chỉnh khoản truy thu thuế năm 2019 giá trị 49.641.643 VND.

Số "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2019 trước khi trình bày lại là 2.789,03 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư chủ yếu với Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Cổ đông lớn. Đại diện vốn nhà nước là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty
	Có cùng thành viên Hội đồng Quản trị (ông Hoàng Anh Lộc)
Công ty Cổ phần ITTA	Có thành viên Ban Kiểm soát là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty (ông Nguyễn Ngọc Sơn)
	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Có cùng thành viên Hội đồng Quản trị (ông Nguyễn Trí Dũng, ông Hoàng Anh Lộc)
	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty
Công ty Cổ phần Viễn thông Vinasa Việt Nam	Có cùng thành viên Hội đồng Quản trị (ông Nguyễn Trí Dũng, ông Tô Hoài Văn, ông Nguyễn Thế Thịnh)
	Có cùng thành viên Hội đồng Quản trị (Hoàng Anh Lộc)

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		<b>666.483.435.151</b>	<b>1.184.105.945.283</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	663.267.642.797	1.141.724.505.501
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	350.843.060	37.184.442.891
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	1.634.693.001	2.131.335.430
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	1.088.226.222	2.680.136.280
Công ty CP Viễn thông Vinasa Việt Nam	Cùng TV HĐQT	142.030.071	385.525.181
<b>Mua hàng</b>		<b>86.395.495.854</b>	<b>80.085.173.340</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	2.671.251.354	1.405.862.394
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	81.533.486.031	72.724.798.946
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	1.204.121.089	5.954.512.000
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	790.835.970	-
Công ty CP Viễn thông Vinasa Việt Nam	Cùng TV HĐQT	195.801.410	-
<b>Cổ tức đã trả</b>		<b>48.214.778.155</b>	<b>31.898.304.760</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	15.175.662.000	10.117.108.000
Các cổ đông khác	Cổ đông	33.039.116.155	21.781.196.760
<b>Cổ tức nhận được</b>		<b>14.055.200.000</b>	<b>16.291.900.000</b>
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	755.200.000	1.321.600.000
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	12.300.000.000	11.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	1.000.000.000	2.852.000.000
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	Cùng TV HĐQT	-	268.300.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan trong năm của Công ty như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		<b>556.216.370.385</b>	<b>769.950.224.087</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	530.489.094.935	768.063.639.580
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	749.571.119	1.531.515.562
Công ty CP Viễn thông Vinasa Việt Nam	Cùng TV HĐQT	433.377.651	355.068.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	24.530.631.536	-
Công ty CP dịch vụ kỹ thuật viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	13.695.144	-
<b>Các khoản phải trả</b>		<b>125.550.967.241</b>	<b>28.397.451.836</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	927.109.261	896.286.461
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	123.347.027.667	25.988.061.883
Công ty CP Viễn thông Vinasa Việt Nam	Cùng TV HĐQT	98.288.100	-
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	1.178.542.213	1.513.103.492
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>39.295.593.793</b>	<b>2.603.923.594</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	39.295.593.793	2.603.923.594

**Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.967.934.545	8.290.708.562

**35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực viễn thông tin học. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	691.233.763.905	829.797.961.309
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	294.570.106.822	348.817.212.130
Nợ thuần	396.663.657.083	480.980.749.179
Vốn chủ sở hữu	697.995.969.411	686.729.076.279
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,57	0,70

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương	294.570.106.822	-	348.817.212.130	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.070.180.085.406	-	1.370.117.638.239	-
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	41.191.000.000	(391.718.000)	41.191.000.000	(987.344.000)
Tài sản tài chính khác	741.711.889	-	413.161.726	-
<b>Cộng</b>	<b>1.426.682.904.117</b>	<b>(391.718.000)</b>	<b>1.780.539.012.095</b>	<b>(987.344.000)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	691.233.763.905	829.797.961.309
Phải trả người bán, phải trả khác	583.445.135.931	477.199.118.146
Chi phí phải trả	65.955.318.660	67.015.773.381
<b>Cộng</b>	<b>1.340.634.218.496</b>	<b>1.374.012.852.836</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

*Rủi ro về tỷ giá*

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương	294.570.106.822	-	-	294.570.106.822
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.070.180.085.406	-	-	1.070.180.085.406
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	41.191.000.000	-	41.191.000.000
Tài sản tài chính khác	388.747.790	352.964.099	-	741.711.889
<b>Cộng</b>	<b>1.385.138.940.018</b>	<b>41.543.964.099</b>	-	<b>1.426.682.904.117</b>
Vay và nợ	691.233.763.905	-	-	691.233.763.905
Phải trả người bán, phải trả khác	582.297.335.266	1.147.800.665	-	583.445.135.931
Chi phí phải trả	65.955.318.660	-	-	65.955.318.660
<b>Cộng</b>	<b>1.339.486.417.831</b>	<b>1.147.800.665</b>	-	<b>1.340.634.218.496</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>45.652.522.187</b>	<b>40.396.163.434</b>	-	<b>86.048.685.621</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương	348.817.212.130	-	-	348.817.212.130
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.370.117.638.239	-	-	1.370.117.638.239
Đầu tư dài hạn	-	41.191.000.000	-	41.191.000.000
Tài sản tài chính khác	89.210.427	323.951.299	-	413.161.726
<b>Cộng</b>	<b>1.719.024.060.796</b>	<b>41.514.951.299</b>	-	<b>1.760.539.012.095</b>
Vay và nợ	829.797.961.309	-	-	829.797.961.309
Phải trả người bán, phải trả khác	475.965.807.481	1.233.310.665	-	477.199.118.146
Chi phí phải trả	67.015.773.381	-	-	67.015.773.381
<b>Cộng</b>	<b>1.372.779.542.171</b>	<b>1.233.310.665</b>	-	<b>1.374.012.852.836</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>346.244.518.625</b>	<b>40.281.640.634</b>	-	<b>386.526.159.259</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 4.557.370.466 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Theo đó, giá trị này được ghi nhận tương ứng trong chi tiêu tăng/giảm các khoản phải trả trên lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**38. THÔNG TIN VỀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Theo Quyết định số 576/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2019 và Thông báo số 1539/TB-SGDHCM ngày 30/12/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "ICT", số lượng chứng khoán niêm yết là 32.185.000 cổ phiếu, ngày chính thức giao dịch là 15/01/2020.

**39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020 và Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐQT ngày 25/12/2020 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức lần 1 năm 2020 như sau: Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền hưởng cổ tức lần 1/2020 là ngày 15/01/2021, mức chi trả 1000 đồng/1 cổ phần, ngày bắt đầu chi trả từ ngày 28/01/2021. Tổng số tiền cổ tức lần 1 năm 2020 đã chi trả cho các cổ đông đến thời điểm lập báo cáo này là 21.729.011.365 VND.

**40. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



**Hà Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Ngọc Sơn**  
Kế toán trưởng

**Trần Quốc Tuấn**  
Người lập